

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC TẬP CẢ NĂM
LỚP: 7A2 - GVCN: NGUYỄN VĂN LỘC - NĂM HỌC: 2020-2021

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Toán	Vật lí	Sinh học	Ngữ văn	Lịch Sử	Địa Lí	Ngoại ngữ	GDCD	Công nghệ	Thể dục	Âm nhạc	Mĩ thuật	Tin học	ĐTB	XLHL	XLHK	DHTD	K.Quả
1	Lê Hoàng Bảo	Anh		5.9	7.0	7.5	4.6	5.9	7.1	6.4	7.3	8.7	Đ	Đ	Đ	8.8	6.9	Tb	T		Lên lớp
2	Tạ Thị Mỹ	Anh	x	5.7	5.4	6.6	4.8	6.9	6.9	5.5	7.6	8.1	Đ	Đ	Đ	9.0	6.7	Tb	T		Lên lớp
3	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	x	7.2	6.9	7.9	5.6	8.3	7.8	5.8	7.2	7.8	Đ	Đ	Đ	9.0	7.4	K	T	TT	Lên lớp
4	Lê Danh	Chính		5.2	7.1	7.8	6.6	6.8	7.1	5.5	7.4	7.7	Đ	Đ	Đ	7.8	6.9	K	T	TT	Lên lớp
5	Nguyễn Chí	Công		5.0	4.7	6.0	7.0	6.1	5.2	5.0	5.8	7.1	Đ	Đ	Đ	7.4	5.9	Tb	T		Lên lớp
6	Trần Phạm Thanh	Dương		9.1	8.8	9.7	9.2	9.9	9.1	8.7	9.6	9.4	Đ	Đ	Đ	9.3	9.3	G	T	G	Lên lớp
7	Trịnh Quốc	Đạt		6.1	8.0	8.6	6.6	8.0	7.5	6.8	9.2	7.7	Đ	Đ	Đ	8.6	7.7	K	T	TT	Lên lớp
8	Huỳnh Tiên	Đạt		4.3	5.3	4.3	5.0	5.0	4.9	3.9	5.3	5.1	Đ	Đ	Đ	6.5	5.0	Tb	K		Lên lớp
9	Đoàn Nguyễn Khánh	Đặng		5.6	5.5	5.6	5.8	6.7	6.6	5.0	6.7	7.0	Đ	Đ	Đ	8.4	6.3	Tb	K		Lên lớp
10	Nguyễn Gia	Hào		5.4	7.2	6.4	8.1	8.5	5.7	5.0	7.6	7.6	Đ	Đ	Đ	8.9	7.0	K	T	TT	Lên lớp
11	Vũ Trương Ngọc	Hân	x	5.6	6.6	8.3	6.6	8.5	8.3	5.0	9.0	8.4	Đ	Đ	Đ	8.4	7.5	K	T	TT	Lên lớp
12	Trần Văn	Hậu		4.2	6.2	5.9	4.8	6.9	6.6	5.0	5.4	7.4	Đ	Đ	Đ	7.6	6.0	Tb	T		Lên lớp
13	Lê Trung	Hiếu		5.0	7.0	5.4	5.4	6.6	6.2	5.5	7.0	6.2	Đ	Đ	Đ	8.2	6.3	Tb	T		Lên lớp
14	Nguyễn Đức	Huy		7.6	7.5	8.4	5.6	8.0	7.1	9.3	7.4	8.5	Đ	Đ	Đ	8.3	7.8	K	T	TT	Lên lớp
15	Hồ Ngọc Gia	Huy		6.7	6.8	7.1	5.3	5.0	7.6	7.4	7.8	8.6	Đ	Đ	Đ	8.2	7.1	K	T	TT	Lên lớp
16	Hồ Quỳnh	Hương	x	6.4	7.4	8.2	6.2	8.6	6.9	6.4	9.0	7.4	Đ	Đ	Đ	9.0	7.6	Tb	T		Lên lớp
17	Nguyễn	Khang		5.7	7.4	8.2	5.2	9.0	7.2	6.3	8.5	8.6	Đ	Đ	Đ	8.8	7.5	Tb	T		Lên lớp
18	Nguyễn Tiến	Kiệt		6.8	8.5	8.2	6.7	9.2	8.4	6.7	9.1	9.2	Đ	Đ	Đ	8.9	8.2	K	T	TT	Lên lớp
19	Viên Trần Đại	Long		6.7	5.8	6.1	5.0	7.3	6.7	6.3	8.4	6.8	Đ	Đ	Đ	9.0	6.8	K	T	TT	Lên lớp
20	Huỳnh Minh	Long		4.5	5.1	5.5	5.1	6.3	6.4	5.1	7.8	7.6	Đ	Đ	Đ	7.4	6.1	Tb	T		Lên lớp
21	Trần Phương	Ly	x	7.9	9.0	9.2	8.4	9.9	9.4	9.2	9.8	9.7	Đ	Đ	Đ	9.5	9.2	G	T	G	Lên lớp
22	Nguyễn Ngọc Thảo	My	x	4.4	6.3	7.4	6.7	7.5	6.2	6.9	7.6	7.7	Đ	Đ	Đ	8.3	6.9	Tb	T		Lên lớp
23	Nguyễn Văn Trà	My	x	8.8	8.3	9.5	7.7	9.8	9.1	8.7	9.6	9.3	Đ	Đ	Đ	9.3	9.0	G	T	G	Lên lớp
24	Đặng Xuân	Nam		6.8	7.7	7.6	7.1	8.6	8.4	5.8	8.9	7.9	Đ	Đ	Đ	8.8	7.8	K	T	TT	Lên lớp
25	Lê Phương	Nga	x	5.9	5.7	6.6	5.3	5.7	6.5	5.7	8.4	7.6	Đ	Đ	Đ	8.4	6.6	Tb	T		Lên lớp
26	Hồ Thị Tuyết	Ngân	x	9.1	8.8	9.4	7.6	9.9	8.5	8.7	10	9.0	Đ	Đ	Đ	9.5	9.1	G	T	G	Lên lớp
27	Lâm Phương	Nghi	x	6.3	8.6	8.7	6.7	9.3	8.2	8.1	9.6	8.9	Đ	Đ	Đ	9.2	8.4	K	T	TT	Lên lớp
28	Đào Ngọc	Nhi	x	5.9	7.6	8.7	6.1	9.1	7.8	5.2	8.8	8.9	Đ	Đ	Đ	8.8	7.7	Tb	T		Lên lớp
29	Nguyễn Đình Khánh	Như	x	6.4	7.0	8.4	6.3	9.4	8.5	6.4	9.0	8.2	Đ	Đ	Đ	9.0	7.9	Tb	T		Lên lớp
30	Đỗ Hào	Phong		4.0	4.9	4.8	6.2	5.9	5.8	4.5	5.8	6.5	Đ	Đ	Đ	7.8	5.6	Tb	T		Lên lớp
31	Nguyễn Hoàng	Phúc		8.4	8.6	9.2	6.6	9.7	8.3	7.4	9.6	9.0	Đ	Đ	Đ	8.7	8.6	G	T	G	Lên lớp
32	Trần Nguyễn Minh	Quân		4.5	6.7	7.6	5.4	8.4	7.3	7.1	9.1	7.6	Đ	Đ	Đ	8.4	7.2	Tb	T		Lên lớp
33	Vô Phương	Quyên	x	5.1	6.1	7.5	6.0	8.5	8.2	5.9	8.8	8.2	Đ	Đ	Đ	8.9	7.3	Tb	T		Lên lớp
34	Lê Ngọc	Sang		7.8	7.2	8.0	6.8	9.0	7.3	5.2	8.9	8.3	Đ	Đ	Đ	8.9	7.7	K	T	TT	Lên lớp
35	Hoàng Thị Trúc	Thanh	x	5.3	4.5	6.7	5.2	7.6	7.8	6.1	8.0	6.9	Đ	Đ	Đ	8.3	6.6	Tb	T		Lên lớp
36	Nguyễn Việt	Thắng		8.5	8.7	9.5	6.9	9.5	8.1	7.3	9.3	9.2	Đ	Đ	Đ	9.1	8.6	G	T	G	Lên lớp
37	Lâm Quốc	Thịnh		5.3	5.7	6.3	5.4	7.6	7.5	5.2	8.4	7.7	Đ	Đ	Đ	8.1	6.7	Tb	T		Lên lớp
38	Nguyễn Duy	Thông		8.6	8.9	9.6	7.5	9.9	8.6	8.8	9.9	9.5	Đ	Đ	Đ	9.4	9.1	G	T	G	Lên lớp
39	Bùi Thanh	Thùy	x	6.6	6.5	8.8	6.8	8.9	8.5	6.0	9.1	8.0	Đ	Đ	Đ	8.7	7.8	K	T	TT	Lên lớp
40	Ngô Mai Thanh	Thúy	x	7.3	8.3	8.6	7.4	9.6	8.3	7.6	9.4	8.7	Đ	Đ	Đ	9.1	8.4	K	T	TT	Lên lớp
41	Phạm Vũ Minh	Thư	x	4.6	5.4	4.9	5.2	7.1	6.0	4.3	7.3	6.9	Đ	Đ	Đ	8.2	6.0	Tb	T		Lên lớp
42	Phạm Bảo	Thy	x	6.9	8.1	8.0	7.5	9.4	7.8	7.6	8.4	8.5	Đ	Đ	Đ	8.6	8.1	K	T	TT	Lên lớp
43	Trần Hoàng Minh	Tiến		7.1	8.9	9.5	7.1	9.9	8.3	7.2	9.3	9.0	Đ	Đ	Đ	9.5	8.6	K	T	TT	Lên lớp
44	Trần Minh	Tiến		5.8	8.2	9.1	6.1	9.5	7.9	5.9	8.3	8.5	Đ	Đ	Đ	8.6	7.8	Tb	T		Lên lớp
45	Trần Đình Đoàn	Trang	x	5.3	6.4	7.2	5.5	7.6	6.4	5.2	8.7	7.9	Đ	Đ	Đ	8.7	6.9	Tb	T		Lên lớp
46	Nguyễn Thị Hồng	Trang	x	7.7	7.9	9.6	7.5	9.9	8.4	8.1	9.9	9.5	Đ	Đ	Đ	9.4	8.8	G	T	G	Lên lớp
47	Trần Lê Mỹ	Trang	x	6.8	6.8	8.3	5.9	6.4	7.7	5.8	8.7	7.9	Đ	Đ	Đ	9.0	7.3	K	T	TT	Lên lớp
48	Lê Xuân	Trí		8.8	8.6	9.9	9.3	9.8	8.8	9.0	9.7	9.8	Đ	Đ	Đ	9.3	9.3	G	T	G	Lên lớp
49	Trần Minh	Triết		6.1	7.5	8.3	6.1	8.1	7.6	5.1	7.5	8.5	Đ	Đ	Đ	9.1	7.4	Tb	T		Lên lớp
50	Nguyễn Thị Thùy	Trúc	x	6.5	6.7	8.6	7.3	8.7	7.7	6.9	9.5	9.1	Đ	Đ	Đ	8.8	8.0	K	T	TT	Lên lớp
51	Nguyễn Ngọc Thanh	Vân	x	7.3	8.2	8.9	7.5	9.4	9.0	5.2	8.7	8.5	Đ	Đ	Đ	9.3	8.2	K	T	TT	Lên lớp
52	Nguyễn Thủy	Vy	x	7.9	7.8	8.8	8.9	9.5	8.3	7.0	9.6	9.2	Đ	Đ	Đ	9.4	8.6	G	T	G	Lên lớp
53	Nguyễn Thị Thủy	Vy	x	5.8	5.3	6.0	5.5	5.5	6.5	4.7	7.5	8.0	Đ	Đ	Đ	8.4	6.3	Tb	T		Lên lớp
54	Ngô Nguyễn Tường	Vy	x	6.4	8.0	8.9	7.3	9.2	7.9	6.3	9.6	8.9	Đ	Đ	Đ	9.1	8.2	K	T	TT	Lên lớp
55	Lâm Yên	Vy	x	8.0	7.6	8.8	8.8	9.7	7.9	7.2	9.4	9.3	Đ	Đ	Đ	9.3	8.6	G	T	G	Lên lớp
56	Trần Yên	Vy	x	8.1	8.0	9.4	7.6	9.3	8.9	8.9	9.0	9.1	Đ	Đ	Đ	9.5	8.8	G	T	G	Lên lớp

Giáo viên chủ nhiệm xác nhận
(Ký và ghi rõ họ tên)